Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1901.90.41

Mã HS	1901.90.41
Mô tả hàng hóa	Chiết xuất malt; chế phẩm thực phẩm từ bột, tấm, bột thô, tinh bột hoặc từ chiết xuất malt, không chứa ca cao hoặc chứa dưới 40% tính theo khối lượng là ca cao đã khử toàn bộ chất béo, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; chế phẩm thực phẩm từ sản phẩm thuộc các nhóm 04.01 đến 04.04, không chứa ca cao hoặc chứa dưới 5% tính theo khối lượng là ca cao đã khử toàn bộ chất béo, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Loại khác: / - - Các chế phẩm khác từ đỗ tương: / - - - Dạng bột
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 08:25:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/19019041/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	27	27%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2402
Thuế NK ưu đãi (MFN)	18	18%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2402
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2402
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục F)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2401
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2362
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2362
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2362
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2362
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2362
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2362
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2400
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2400
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2400
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2400

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2400
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2400
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E2402
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F2402
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2402
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2402
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2402
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2402
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F2404
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2368
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F2364
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G2364
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H2364
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I2364
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J2364
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K2364
VKFTA	2022	2022	5	VK!E2364
VKFTA	2023	2023	5	VK!F2364
VKFTA	2024	2024	5	VK!G2364
VKFTA	2025	2025	5	VK!H2364
VKFTA	2026	2026	5	VK!I2364
VKFTA	2027	2027	5	VK!J2364
VCFTA	2022	2022	5	VC!D2411
VCFTA	2023	2023	3	VC!E2411
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2411
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2411
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2411
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D2404
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E2404
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F2404
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2404
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2404
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2404
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D2416
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E2416
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F2416
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G2416
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H2416
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I2416
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D2387
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E2387
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F2387
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G2387
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H2387
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2387
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D2389
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E2389
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F2389
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G2389
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H2389
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2389

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6,6	CPTPP!D2383
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	3,3	CPTPP!E2383
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2383
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2383
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2383
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2383
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2383
RCEP A	2022	2022	18,7	RCEPT-A!D2406
RCEP A	2023	2023	17,3	RCEPT-A!E2406
RCEP A	2024	2024	16	RCEPT-A!F2406
RCEP A	2025	2025	14,7	RCEPT-A!G2406
RCEP A	2026	2026	13,3	RCEPT-A!H2406
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I2406
RCEP B	2022	2022	18,7	B!D2406
RCEP B	2023	2023	17,3	B!E2406
RCEP B	2024	2024	16	B!F2406
RCEP B	2025	2025	14,7	B!G2406
RCEP B	2026	2026	13,3	B!H2406
RCEP B	2027	2027	12	B!I2406
RCEP C	2022	2022	19	C!D2406
RCEP C	2023	2023	18	C!E2406
RCEP C	2024	2024	17	C!F2406
RCEP C	2025	2025	16	C!G2406
RCEP C	2026	2026	15	C!H2406
RCEP C	2027	2027	14	C!I2406
RCEP D	2022	2022	20	D!D2406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E2406
RCEP D	2024	2024	20	D!F2406
RCEP D	2025	2025	20	D!G2406
RCEP D	2026	2026	20	D!H2406
RCEP D	2027	2027	20	D!I2406
RCEP E	2022	2022	20	E!D2409
RCEP E	2023	2023	20	E!E2409
RCEP E	2024	2024	20	E!F2409
RCEP E	2025	2025	20	E!G2409
RCEP E	2026	2026	20	E!H2409
RCEP E	2027	2027	20	E!I2409
RCEP F	2022	2022	18,7	F!D2406
RCEP F	2023	2023	17,3	F!E2406
RCEP F	2024	2024	16	F!F2406
RCEP F	2025	2025	14,7	F!G2406
RCEP F	2026	2026	13,3	F!H2406
RCEP F	2027	2027	12	F!I2406
VIFTA	2024	2024	20	VI!F2243
VIFTA	2025	2025	20	VI!G2243
VIFTA	2026	2026	20	VI!H2243
VIFTA	2027	2027	20	VI!I2243

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, VIFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (18%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 18%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1901.90 có 10 dòng thuế; dòng 1901.90.41 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng bột.	1901.90.11 Sản phẩm dinh dưỡng y tế (SEN); 1901.90.19 Loại khác; 1901.90.20 Chiết xuất malt; 1901.90.31 Chứa sữa (SEN); 1901.90.32 Loại khác, chứa bột ca cao; 1901.90.39 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1901.90.41. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 18% của mã 1901.90.41 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2402), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.